

BẢNG TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ BỔ SUNG

(Ban hành kèm Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND thành phố Vũng Tàu)

Công trình: Đường quy hoạch A4, phường 11, thành phố Vũng Tàu

Số TT	NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT	ĐỊA CHỈ	DIỆN TÍCH ĐẤT THU HỒI (m ²)	DIỆN TÍCH ĐẤT BỒI THƯỜNG (m ²)	DIỆN TÍCH ĐẤT ĐÃ THU HỒI (m ²)	DIỆN TÍCH ĐẤT ĐÃ BỒI THƯỜNG (m ²)	DIỆN TÍCH ĐẤT BỒI THƯỜNG BỔ SUNG (m ²)	PHÂN LOẠI ĐẤT		CÁC KHOẢN BỒI THƯỜNG				CÁC KHOẢN HỖ TRỢ KHÁC	TỔNG CỘNG	GHI CHÚ
								ĐẤT Ở	NÔNG NGHIỆP	ĐẤT	HOA MÀU	NHÀ, VKT	BỒI THƯỜNG KHÁC			
1	Ông (bà) Nguyễn Đức Chiền	36G Bắc Sơn, Phường 11, thành phố Vũng Tàu	0,30	0,30	0,0	0,0	0,0	0,00	0,3	1.941.300	0,0	0,0	0,0	0,0	1.941.300	thu hồi bổ sung
2	Các ông/bà Nguyễn Thanh Tịnh; Nguyễn Thái Sơn; Nguyễn Quang Huy; Nguyễn Bảo Vân; Nguyễn Bảo Anh là hàng thừa kế của ông Nguyễn Khính và bà Lương Hạnh Nhân (ông Khính, bà Nhân đã chết)	828/10E K5 đường 30/4, Phường 11, TP. Vũng Tàu	0,0	0,0	419,20	419,20	419,20	0,00	419,20	201.216.000	Tính chênh lệch giá đất nông nghiệp đã thu hồi, bồi thường tại thời điểm thu hồi đất thực hiện Bản án hành chính sơ thẩm số 106/2023/HC-ST ngày 07/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực thu hồi và bồi thường đất và Văn bản số 1149/UBND-PTQĐ ngày 05/02/2024 của UBND thành phố Vũng Tàu về việc thực hiện Bản án hành chính sơ thẩm số 106/2023/HC-ST ngày 07/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vụ ông Nguyễn Thanh Tịnh) thuộc dự án đường Quy hoạch A4, Phường 11, thành phố Vũng Tàu.				201.216.000	

3	Ông (bà) Trần Văn Cúc	34/1C/5B Bắc Sơn, Phường 11, thành phố Vũng Tàu	0,0	0,0	98,40	98,40	0,00	0,00	0,00	bổ sung giao 01 lô đất ở, chi phí di chuyển và tiền thuê nhà 06 tháng theo đơn kiến nghị đã được Hội đồng bồi thường, hỗ trợ TĐC thành phố thống nhất tại biên bản họp ngày 26/9/2023 (hiện ông Cúc đang ở tại nơi thu hồi đất); hiê ông Cúc đứng tên 02 Giấy CNQSD đất CP 775509 do Sở TNMT cấp ngày 04/12/2018 với diện tích 559,20m2 thuộc thửa 191, tờ bản đồ số 43, Phường 10 (đồng sử dụng 03 người khác); Giấy CNQSD đất CS 801273 do Sở TNMT cấp ngày 16/9/2019 với diện tích 150,0m2 đất ở và 253,10m2 đất nông nghiệp thuộc thửa 388, tờ bản đồ số 44, Phường 11 (thửa đất thu hồi) (đồng sử dụng 05 người khác) trên cơ sở thông tin cung cấp của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất thành phố tại Công văn số 4769//CNVDPK-TTLT ngày 06/12/2021; theo ý kiến của Phòng QLĐT tại Văn bản số 2023/QKĐT-QHKT ngày 28/7/2023 thì thửa 191 (Phường 10) thuộc bãi đậu xe.	6.300.000	16.320.000	22.620.000	giao 01 lô đất ở		
4	Ông (bà) Trần Thị Dân và hàng thừa kế hợp pháp theo quy định pháp luật của ông Nguyễn Văn Phú (ông Phú đã chết)	59 Bắc Sơn, Phường 11, thành phố Vũng Tàu	0,0	0,0	62,00	62,00	0,00	0,00	0,00	bổ sung giao 01 lô đất TĐC, chi phí di chuyển và tiền thuê nhà 06 tháng trên cơ sở ý kiến của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ TĐC thành phố thống nhất tại biên bản họp ngày 06/5/2022 (tại Quyết định số 10263/QĐ-UBND ngày 05/8/2022 của UBND thành phố Vũng Tàu chưa giao giao tái định cư, tiền di chuyển, tiền thuê nhà; chưa ghi nhận đề nghị người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính theo Khoản 1 Điều 7 Nghị định 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ	6.300.000	16.320.000	22.620.000	Giao 01 lô đất TĐC; người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính theo Khoản 1 Điều 7 Nghị định 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ đối với diện tích 62,0m2 đất ở		
TỔNG CỘNG:			0,30	0,30	579,60	579,60	419,20	0,00	419,50	203.157.300	0,0	0,0	12.600.000	32.640.000	248.397.300	

* Diện tích đất thu hồi	:	0,30	m2.
* Diện tích đất bồi thường	:	0,30	m2 (nông nghiệp)
* Diện tích đất đã thu hồi	:	579,60	m2.
* Diện tích đất đã bồi thường	:	579,60	m2

* Diện tích đất tính bồi thường bổ sung (Tính chênh lệch giá đất nông nghiệp đã thu hồi, bồi thường tại thời điểm thu hồi đất thực hiện Bản án hành chính sơ thẩm số 106/2023/HC-ST ngày 07/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực thu hồi và bồi thường đất và Văn bản số 1149/UBND-PTQĐ ngày 05/02/2024 của UBND thành phố Vũng Tàu về việc thực hiện Bản án hành chính sơ thẩm số 106/2023/HC-ST ngày 07/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vụ ông Nguyễn Thanh Tịnh) thuộc dự án đường Quy hoạch A4, Phường 11, thành phố Vũng Tàu; giá đất cụ thể áp dụng Quyết định số 8897/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND thành phố Vũng Tàu về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính bồi thường cho bà Võ Thị Nhiều, ông Nguyễn Thanh Tịnh, bà Nguyễn Thị Sáu để thực hiện Quyết định giải quyết khiếu nại, Bản án của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về giá đất tính bồi thường theo khoản 2, Điều 74, Luật Đất đai năm 2013 thuộc dự án Đường Quy hoạch A4 tại Phường 11, thành phố Vũng Tàu	:	419,20	m2 (nông nghiệp)
* Số hộ dân được tính bồi thường	:	04	hộ dân (03 hộ bổ sung)
* Số lô giao tái định cư	:	01	hộ dân (01 lô)
* Số lô giao đất ở	:	01	hộ dân (01 lô)
a) Giá trị bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho các hộ dân	:	248.397.300	đồng
- Kinh phí bồi thường:	:	215.757.300	đồng;
+ Bồi thường giá trị quyền sử dụng đất	:	203.157.300	đồng;
+ Bồi thường hoa màu, cây trái	:	0	đồng;
+ Bồi thường nhà, VKT	:	0	đồng;
+ Bồi thường khác (tiền di chuyển)	:	12.600.000	đồng;
- Kinh phí hỗ trợ:	:	32.640.000	đồng;
+ Hỗ trợ khác (tiền thuê nhà)	:	32.640.000	đồng;
b) Kinh phí 2% phục vụ BTGPMB (a) x 2%	:	4.967.946	đồng;
* Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ (a) + (b)	:	253.365.246	đồng.

(Bảng chữ: Hai trăm năm mươi ba triệu, ba trăm sáu mươi lăm ngàn, hai trăm bốn mươi sáu đồng)

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Trọng Thụy